

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN MẶT TRỜI VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN MẶT TRỜI VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM SOLAR POWER JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107014615

**3. Ngày thành lập:** 05/10/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 15, ngõ 192 Thái Thịnh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0485862888

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                      | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                             | 2640     |
| 2.  | Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học                                                                         | 2670     |
| 3.  | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                 | 2710     |
| 4.  | Sản xuất pin và ắc quy                                                                                         | 2720     |
| 5.  | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                            | 2731     |
| 6.  | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất dây và cáp sợi tách biệt từ sắt, đồng, nhôm. | 2732     |
| 7.  | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                              | 2740     |
| 8.  | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                      | 2750     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | <p>Sản xuất thiết bị điện khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất sạc ắc quy ở trạng thái rắn;</li> <li>- Sản xuất thiết bị đóng mở cửa bằng điện;</li> <li>- Sản xuất chuông điện;</li> <li>- Sản xuất dây phụ trợ được làm từ dây cách điện;</li> <li>- Sản xuất máy cung cấp năng lượng liên tục (UPS);</li> <li>- Sản xuất dây dụng cụ, dây phụ trợ và các bộ dây điện khác với dây và kết nối cách điện;</li> <li>- Sản xuất nam châm điện;</li> <li>- Sản xuất còi báo động;</li> <li>- Sản xuất bảng ghi tỉ số điện tử;</li> <li>- Sản xuất các thiết bị tín hiệu như đèn giao thông và thiết bị dấu hiệu bộ hành;</li> <li>- Sản xuất vật cách điện (trừ bằng thuỷ tinh và sứ), dây cáp kim loại cơ bản;</li> <li>- Sản xuất các thiết bị và cấu kiện điện dùng trong các động cơ đốt trong;</li> <li>- Sản xuất các thiết bị hàn điện, bao gồm máy hàn thép cầm tay.</li> </ul> | 2790        |
| 10. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4662        |
| 11. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3313        |
| 12. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3314        |
| 13. | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3510(Chính) |
| 14. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4100        |
| 15. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4210        |
| 16. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4220        |
| 17. | <p>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng công trình cửa như: Đường thuỷ, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống; Đập và đê.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4290        |
| 18. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4312        |
| 19. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4321        |
| 20. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4322        |
| 21. | <p>Lắp đặt hệ thống xây dựng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thang máy, cầu thang tự động,</li> <li>+ Các loại cửa tự động,</li> <li>+ Hệ thống đèn chiếu sáng,</li> <li>+ Hệ thống hút bụi,</li> <li>+ Hệ thống âm thanh,</li> <li>+ Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4329        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 22. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4330 |
| 23. | <p>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</p> <p>Chi tiết:- Thử độ ẩm và các công việc thử nước,</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chống ẩm các toà nhà,</li> <li>- Chôn chân trụ,</li> <li>- Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất;</li> <li>- Uốn thép,</li> <li>- Xây gạch và đặt đá,</li> <li>- Lợp mái bao phủ toà nhà,</li> <li>- Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng,</li> <li>- Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp,</li> <li>- Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao.</li> <li>- Các công việc dưới bề mặt ;</li> <li>- Xây dựng bể bơi ngoài trời ;</li> </ul> | 4390 |
| 24. | <p>Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn xe có động cơ khác, loại mới và loại đã qua sử dụng:</li> <li>+ Ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi, kể cả xe chuyên dụng như xe cứu thương;</li> <li>+ Ô tô vận tải, kể cả loại chuyên dụng như xe bồn, xe đông lạnh, rơ-moóc và bán rơ-moóc;</li> <li>+ Ô tô chuyên dụng: xe chở rác, xe quét đường, xe phun nước, xe trộn bê tông;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4511 |
| 25. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4641 |
| 26. | <p>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;</li> <li>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;</li> <li>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;</li> <li>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4649 |
| 27. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4651 |
| 28. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4652 |
| 29. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4653 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                     |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 30. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp;<br>- Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế;<br>- Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác;<br>- Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường; | 4659                                                                |
| 31. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8299                                                                |
| 32. | Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 9103                                                                |
| 33. | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 9321                                                                |
| 34. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che;<br>- Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền;<br>- Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 9329                                                                |
| 35. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7310                                                                |
| 36. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7320                                                                |
| 37. | (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 350.000.000.000 VNĐ  
**Mệnh giá cổ phần:** 100.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                 | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | HÀ DUY LỢI        | Số 30, Tổ 30, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                        | Tổng số           | 1.225.000  | 122.500.000.000       | 35        | 011511745                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                                      | Cổ phần phổ thông | 1.225.000  | 122.500.000.000       | 35        |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | CHUANG TIẾN VƯỢNG | Xóm 1, Thôn Thượng, Xã Đông Dư, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                            | Cổ phần phổ thông | 175.000    | 17.500.000.000        | 5         | N1600077                                                                                    |         |
|     |                   |                                                                                                      | Tổng số           | 175.000    | 17.500.000.000        | 5         |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | PHẠM TIẾN DŨNG    | 703-E1, The Manor, đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam      | Cổ phần phổ thông | 350.000    | 35.000.000.000        | 10        | 013124762                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                                      | Tổng số           | 350.000    | 35.000.000.000        | 10        |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | VŨ ĐỨC THẾ        | P205B - 48 Tầng Bạt Hổ, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam           | Cổ phần phổ thông | 350.000    | 35.000.000.000        | 10        | 012181660                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                                      | Tổng số           | 350.000    | 35.000.000.000        | 10        |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 5   | NGUYỄN MẠNH CƯỜNG | Số 23, ngách 358/25 Bùi Xương Trạch, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 700.000    | 70.000.000.000        | 20        | 013045034                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                                      | Tổng số           | 700.000    | 70.000.000.000        | 20        |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 6   | PHAN ĐĂNG THÌN    | 48A Lý Thường Kiệt, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông | 350.000    | 35.000.000.000        | 10        | 013308960                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                                      | Tổng số           | 350.000    | 35.000.000.000        | 10        |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 7   | VŨ NGỌC VÂN       | Số 31 ngách 139/27 Nguyễn Ngọc Vũ, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam       | Cổ phần phổ thông | 350.000    | 35.000.000.000        | 10        | 027076000057                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                                      | Tổng số           | 350.000    | 35.000.000.000        | 10        |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

## 10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: HÀ DUY LỢI

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Ngày sinh: 15/05/1958

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 011511745

Ngày cấp: 11/10/2005

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số 30, Tổ 30, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 30, Tổ 30, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội